

Bản án số: 27/2019/DS-ST
Ngày: 12-9-2019
V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tố Uyên

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Nhuận

2. Bà Lê Thị Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 121/2019/TLST-DS ngày 17/06/2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2019/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2019/QĐ-DS ngày 26/8/2019, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng T (gọi tắt là VPBANK); trụ sở: Phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí Dũng, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Ủy quyền cho ông Đỗ Thành Tr, chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH quản lý tài sản Ngân hàng Tkiêm Phó Giám đốc Khối Pháp chế và Kiểm soát tuân thủ (Văn bản ủy quyền số 11/2018/UQ-HĐQT ngày 02/3/2018).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

+ Ông Nguyễn Trung Th – Cán bộ xử lý nợ (có mặt)

+ Ông Mai Hoàng Nh – Chuyên viên tố tụng.

Cùng địa chỉ: Phường a, Quậnb, Thành phố H (Văn bản ủy quyền số 28530/2019/UQ-PGDK ngày 19/6/2019).

2. *Bị đơn:* Ông Đặng Văn M, sinh năm 1983; địa chỉ tạm trú: khu phố T, phường V, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Bích Th1, sinh năm 1984; địa chỉ tạm trú: khu phố T, phường V, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 26/4/2019, bản tự khai và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Trung Th trình bày:

Giữa Ngân hàng Tà và ông Đặng Văn M có ký kết với nhau 02 hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng: HĐTD số 2858411 (LD1505500122) giải ngân ngày 24/02/2015, số tiền vay 50.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay mua sắm vật dụng gia đình, lãi suất 27%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Theo Hợp đồng này thì ngày 24/02/2015 ngân hàng đã giải ngân cho ông Mỹ số tiền 50.000.000 đồng vào tài khoản số 77553298 của ông Mỹ mở tại ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng vào thời điểm vay. Trong cùng ngày, theo thỏa thuận ông Mỹ phải thanh toán phí bảo hiểm khoản vay tín dụng trên với số tiền 1.067.280 đồng và thanh toán thông qua tài khoản 77553298 nên ngân hàng trừ số tiền phí bảo hiểm trên tài khoản này. Số tiền còn lại sau giải ngân ngày 24/02/2015 là 48.932.720 đồng. Đến ngày 25/02/2015, ông Mỹ đã rút số tiền 48.882.000 đồng và xác nhận đã lĩnh tiền theo giấy lĩnh tiền ngày 25/02/2015. Sở dĩ ông Mỹ không rút hết toàn bộ số tiền 48.932.720 đồng mà chỉ rút số tiền 48.882.000 đồng, còn số tiền 50.720 đồng không rút được vì số tiền này được giữ lại để duy trì thẻ tài khoản theo thỏa thuận của hai bên trong hợp đồng mở tài khoản.

- Hợp đồng tín dụng: HĐTD số 2970773 (LD1506100081) giải ngân ngày 02/3/2015, số tiền vay 40.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay mua sắm vật dụng gia đình; lãi suất 27%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Theo Hợp đồng này thì ngày 02/3/2015 ngân hàng đã giải ngân cho ông Mỹ số tiền 40.000.000 đồng vào cùng tài khoản số 77553298 của ông Mỹ mở tại ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng. Trong cùng ngày, cũng như hợp đồng tín dụng ban đầu, ông Mỹ phải thanh toán tiền bảo hiểm khoản vay này là 853.824 đồng. Số tiền còn lại sau giải ngân là 39.146.176 đồng. Đến ngày 03/3/2015, ông Mỹ đã rút số tiền 39.147.000 đồng và xác nhận đã lĩnh tiền theo giấy lĩnh tiền ngày 03/3/2015 (thể hiện rõ trong bảng kê tài khoản 77553298).

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Mỹ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng, cụ thể:

HĐTD số 2858411 (LD1505500122) giải ngân ngày 24/02/2015, ông Mỹ vi phạm nghĩa vụ trả nợ vào ngày 25/8/2015.

HĐTD số 2970773 (LD1506100081) giải ngân ngày 02/3/2015, ông Mỹ vi phạm nghĩa vụ thanh toán vào ngày 03/7/2015

Ngân hàng VPBank đã nhiều lần liên hệ với ông Mỹ để yêu cầu hoàn trả nợ vay nhưng đến ngày 19/9/2015, ông Mỹ chỉ trả thêm số tiền tổng là 3.800.000 đồng rồi không trả thêm bất cứ khoản nào nữa. Do đó, VPBANK khởi kiện như sau:

1. Buộc ông Đặng Văn M và bà Nguyễn Thị Bích Th1 liên đới thanh toán cho VPBank tổng số tiền (tạm tính đến ngày 12/9/2019) của Hợp đồng tín dụng giải ngân ngày 24/02/2015 là 117.611.805 đồng (trong đó: nợ gốc là 44.155.156 đồng; nợ lãi là 73.456.649 đồng) và Hợp đồng tín dụng giải ngân ngày 02/3/2015 là 94.814.473 đồng (trong đó: nợ gốc là 35.403.443; nợ lãi: 59.411.030 đồng); tổng cộng phải trả của hai hợp đồng là 212.426.278 đồng.

2. Buộc ông Đặng Văn M và bà Nguyễn Thị Bích Th1 tiếp tục liên đới thanh toán cho VPBANK tiền lãi phát sinh theo quy định của hợp đồng đã ký kể từ ngày 13/9/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn giao nộp gồm: HĐTD số 2858411 (LD1505500122); HĐTD số 2970773 (LD1506100081); giấy lĩnh tiền ngày 25/02/2015; giấy lĩnh tiền ngày 03/3/2015; bản lịch sử thanh toán đối với HĐTD số 2858411 (LD1505500122) và HĐTD số 2970773 (LD1506100081); bảng kê tính lãi đối với HĐTD số 2858411 (LD1505500122) và HĐTD số 2970773 (LD1506100081); hồ sơ pháp lý của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng;

Bị đơn ông Đặng Văn M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bích Th1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng nhưng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn không đến làm việc, không ủy quyền cho ai đến Tòa án tham gia tố tụng và cũng không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bà Nguyễn Thị Bích Th1 liên đới trả nợ cùng ông Đặng Văn M trả nợ cho ngân hàng.

Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

Về nội dung: Sau khi nghiên cứu tài liệu có tại hồ sơ vụ án, thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Đề nghị đình chỉ xét xử đối với việc buộc bà Nguyễn Thị Bích Th1 liên đới trả nợ do nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn Ngân hàng Tkhởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Đặng Văn M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bích Th1 liên đới thanh toán cho VPBank số tiền còn nợ phát sinh từ hợp đồng tín dụng ký kết giữa VPBANK và ông Đặng Văn M. Do đó, quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại Khoản 3, Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn ông Đặng Văn M cư trú tại phường Vĩnh Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương nên Tòa án nhân dân thị xã Thuận An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 35, Điều 36 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo đúng quy định tại các Điều 177, 179 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng không tham gia tố tụng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, cũng như

tại phiên tòa ngày hôm nay. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự và xem như bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã từ bỏ quyền chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[1.4] Do Ngân hàng T và ông Đặng Văn M ký kết các hợp đồng tín dụng vào năm 2015 nên cần áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ngày 24/02/2015, Ngân hàng T và ông Đặng Văn M có ký kết Hợp đồng tín dụng số 2858411 (LD1505500122) giải ngân ngày 24/02/2015, số tiền vay 50.000.000 đồng. Ngân hàng đã giải ngân số tiền 50.000.000 đồng vào tài khoản số 77553298 của ông Mỹ vào ngày 24/02/2015. Ông Mỹ đã nhận số tiền giải ngân thể hiện thông qua giấy lĩnh tiền ngày 25/02/2015.

Tương tự, ngày 02/3/2015, Ngân hàng T và ông Đặng Văn M có ký kết Hợp đồng tín dụng số 2970773 (LD1506100081), số tiền vay 40.000.000 đồng. Trong cùng ngày, ngân hàng đã giải ngân số tiền 40.000.000 đồng vào tài khoản số 77553298 của ông Mỹ. Ông Mỹ đã nhận được số tiền trên thẻ hiện qua giấy lĩnh tiền ngày 03/3/2015.

Do đó, có cơ sở xác định giữa Ngân hàng T và ông Đặng Văn M có xác lập hai Hợp đồng tín dụng số 2858411 (LD1505500122) giải ngân ngày 24/02/2015 và số 2970773 (LD1506100081) ngày 02/3/2015. Ông Mỹ đã nhận được toàn bộ số tiền giải ngân theo thỏa thuận. Do đó, quyền lợi và nghĩa vụ giữa hai bên phát sinh từ các hợp đồng tín dụng nêu trên.

[2.2] Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Mỹ đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán nợ cho ngân hàng theo thỏa thuận, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn, cụ thể như sau:

Tính đến ngày 12/9/2019: Đối với HĐTD số 2858411 (LD1505500122), ông Mỹ chỉ mới thanh toán tổng cộng là 12.433.075 đồng, trong đó nợ gốc là 5.844.844 đồng, lãi 6.588.231 đồng;

Đối với HĐTD số 2970773 (LD1506100081), ông Mỹ chỉ mới thanh toán tổng cộng là 9.961.917 đồng, trong đó nợ gốc là 4.596.557 đồng, lãi 5.365.360 đồng.

Tổng số tiền ông Mỹ đã thanh toán tính đến ngày 12/9/2019 là: 22.394.992 đồng, trong đó: Gốc 10.441.401 đồng, lãi: 11.953.591 đồng.

Ông Mỹ còn nợ nguyên đơn tổng số tiền đối với 02 hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày 12/9/2019 là 212.426.278 đồng, trong đó nợ gốc là 79.558.599 đồng, lãi 132.867.679 đồng.

Đối với phần tính lãi, các bên thỏa thuận lãi suất trong hạn 27%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Xét thấy, mức thỏa thuận lãi suất của các bên phù hợp với Khoản 1, Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 và Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước.

Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Mỹ tổng trả số tiền 212.426.278 là có căn cứ theo qui định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[2.3] Đối với yêu cầu khởi kiện về việc buộc bà Nguyễn Thị Bích Th1 liên đới cùng ông Đặng Văn M thanh toán số tiền còn nợ phát sinh từ 02 hợp đồng tín dụng nêu trên. Tại phiên tòa, nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với phần này, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là sự tự nguyện của nguyên đơn, phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Từ nhận định trên, Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về tranh chấp hợp đồng tín dụng

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] Án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn không phải chịu án phí; bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả nợ theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3, Điều 26; Điểm a, Khoản 1, Điều 35; Điều 36; Điểm a, Khoản 1, Điều 39; Khoản 1, Điều 147; Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 3, Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 471; Khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Khoản 2, Điều 91 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010; Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 về hướng dẫn Tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng T đối với bị đơn ông Đặng Văn M.

Buộc ông Đặng Văn M phải trả Ngân hàng T số tiền 212.426.278 đồng, trong đó nợ gốc là 79.558.599 đồng, nợ lãi là 132.867.679 đồng.

2. Buộc ông Đặng Văn M tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng T tiền lãi suất phát sinh từ ngày 13/9/2019 đến khi thanh toán xong số tiền còn nợ.

Lãi suất từ ngày 13/9/2019 trở đi được tính trên dư nợ gốc thực tế theo từng hợp đồng theo mức lãi suất quy định tương ứng tại Hợp đồng tín dụng số 2858411 (LD1505500122) giải ngân ngày 24/02/2015 và Hợp đồng tín dụng số 2970773 (LD1506100081) giải ngân ngày 02/3/2015

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bà Nguyễn Thị Bích Th1 liên đới cùng ông Nguyễn Thanh Hải thanh toán số tiền 212.426.278 đồng, trong đó nợ gốc là 79.558.599 đồng, lãi 132.867.679 đồng.

3. Án phí: Ông Đặng Văn M phải chịu 5.310.656 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng T không phải chịu án phí. Trả lại Ngân hàng T số tiền 4.954.881 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0035468 ngày 13/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- Chánh án (để báo cáo);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tố Uyên

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
TÒA**

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN

Nơi nhận:

THẨM

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận an;
- Chi cục THADS thị xã Thuận an;
- Chánh án (để báo cáo);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Anh Thư

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

